

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

### KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TD3	7:25	9+13	0+0		1+20	0+0	
2		P3+TD5	7:25	3+17	0+0		0+22	0+0	
3		P4+TD3	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
4		GTCL1+BK14+AMD	9:25	1+3+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
5		AMD+P7+P9	9:25	8+11+2	0+0+0		8+12+2	0+0+0	
6		BK5+TD3	9:25	2+19	0+0		0+22	0+0	
7		P5+P4+BK16	11:25	19+3+0	0+0+0		14+3+5	0+0+0	
8		RC5+P3	11:25	6+13	0+0		3+18	0+0	
9		P4+BK3	11:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
10		PVD8+P2+CTK3	13:25	10+5+3	0+0+0		10+1+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
I/ Đi về trong ngày P4-4ng, Ctk3-8ng, P3-2ng, P1(TD3)-4ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CTK3 - TD3	CREW: KHOAN - MTHAO - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4447	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HUU PHUONG	CTK3				3	60	68	BIEN DONC	Vietnamese
2	LE HONG DAI	CTK3	39	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN VAN SO	CTK3	42	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	37	1	5			100	KH-THAC	Vietnamese
5	KPAMARENKO V.V	CTK3						68	KH-THAC	Russian
6	ĐINH HOAI ĐỨC	CTK3						67	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUNG	CTK3	45	1	2			65	NIPI	Vietnamese
8	PHAN VAN THINH	CTK3	38	1	6			71	NIPI	Vietnamese
9	BUI ĐỨC HẬU	CTK3	40-41	2	14	2	23	64	CODIEN	Vietnamese
10	VU VAN TOAN	TD3	28	1	3			72	D-HANH	Vietnamese
11	HOANG VAN THƯƠNG	TD3	40	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG MINH TOAN	TD3	39	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	38	1	5			103	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH THOAI	TD3	41-42	2	11	3	50	94	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ANH	TD3	37	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LINH	TD3	35-36	2	9			75	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH AI HUU	TD3	33-34	2	6			78	KHOAN	Vietnamese
18	LE HUY TAM	TD3	32	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN XUAN LANH*	TD3	31	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VAN THANG	TD3	27	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN ĐANG QUANG	TD3	30	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÔNG VĂN THỊNH	TD3	29	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	9	643	7	34	5	83	1		
2	TD3	13	979	16	82	3	50	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.622</b>	<b>23</b>	<b>116</b>	<b>8</b>	<b>133</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.622</b>		<b>116</b>		<b>133</b>			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P3 - TD5	CREW: NAM - DUONG - VU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4451	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG MANH CUONG	P3	12	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH TUE	P3						69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH MANH	P3						62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU TRONG HACH	TD5	86	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY TAM	TD5	87	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN BINH	TD5	79	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THANH	TD5	78	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN PHUNG QUE	TD5	83	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUAN	TD5	80	1	6			54	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VINH DUY	TD5	90	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	85	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN TUAN ANH	TD5						84	KHOAN	Vietnamese
13	HA QUOC DUNG	TD5	76	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN CHIEN	TD5	77	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
15	LE THE CONG	TD5	88-89	2	20			77	KHOAN	Vietnamese
16	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	84	1	4			89	KHOAN	Vietnamese
17	DOROSHENKO MAXIM	TD5	82	1	7			96	KHOAN	Russian
18	NGUYEN TU TAO	TD5	95	1	8	9	137	75	SEAMAP	Vietnamese
19	CHU VAN TUYEN	TD5	92-94	3	20			78	SEAMAP	Vietnamese
20	SOSNIN DENIS	TD5	81	1	5			96	VTB	Russian
21	VU LONG PHI	TD5	91	1	7			73	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	3	196	1	4	0	0	0		
2	TD5	18	1.353	20	123	9	137	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.549</b>	<b>21</b>	<b>127</b>	<b>9</b>	<b>137</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.549</b>		<b>127</b>		<b>137</b>			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

TRAN HONG NAM  
BUI HOANG DUONG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P4 - TD3	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4454	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PEREKRESTOV P.V	P4	24	1	2	4	70	104	D-HANH	Russian
2	MARZIEV M.N	P4	21	1	6			82	KH-THAC	Russian
3	PODYMOV D.N	P4	22	1	6			138	KH-THAC	Russian
4	TRINH VIET THANG	P4	17	1	11			82	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC TRUONG	P4	15-16	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU SY	P4	20	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOAI VU	P4						64	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TUAN ANH	P4						67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO VIET PHUONG	P4	23	1	2			79	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TAM	P4	18-19	2	16			64	YTE	Vietnamese
11	LE NGOC HAI	TD3	07	1	5	2	40	55	KH-THAC	Vietnamese
12	DUONG HOANG HIEU	TD3	06	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN KHANH DUY	TD3						77	KH-THAC	Vietnamese
14	HO NGOC HUNG	TD3						76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGHIEM XUAN VIET	TD3	03	1	9			65	ANTOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN LINH	TD3						74	NIPI	Vietnamese
17	TRAN KHOA TRUONG	TD3	11	1	7			75	NIPI	Vietnamese
18	HOANG VAN LINH	TD3	10	1	11			60	YTE	Vietnamese
19	TRAN THANG LOI	TD3	08	1	3			58	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VAN CHUNG	TD3	02	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THANG	TD3	01	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	09	1	5			89	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	10	829	10	64	4	70	8		
2	TD3	12	860	9	58	2	40	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.689</b>	<b>19</b>	<b>122</b>	<b>6</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.689</b>		<b>122</b>		<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

ĐẶNG QUANG KHẢI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK5 - TD3	CREW: ĐỨC - KHÁI - TDUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4455	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM VĂN THĂNG	BK5	05,40	2	8	1	15	62	TRƯỜNG V	Vietnamese
2	NGUYỄN TRI THỨC	BK5	06	1	5			49	TRƯỜNG V	Vietnamese
3	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD3	18-19	2	12	4	70	80	KHOAN	Vietnamese
4	VI KHẮC THÀNH	TD3	33	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG TIỀN	TD3	22	1	2			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	TD3	21	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU CHUNG	TD3	20	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LUẬN	TD3	30	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	TD3	27	1	7			127	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC TOANH	TD3	32	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	TD3	15	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	TD3	16	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH HIẾU	TD3	23	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN HAO	TD3	17	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	TD3	28-29	2	11			76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM MẠNH HÙNG	TD3	31	1	9			94	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THÔNG	TD3	26	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	VŨ HOANG QUÂN	TD3	14	1	10			55	PSV	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC CÁN	TD3	25	1	3			62	PSV	Vietnamese
20	QUÁCH ĐẶC THÂN	TD3	24	1	4			51	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	2	111	3	13	1	15	0		
2	TD3	18	1.271	20	117	4	70	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.382</b>	<b>23</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.382</b>		<b>130</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC  
ĐẶNG QUANG KHÁI





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: BK14 - AMD	CREW: XOAN - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4448	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HUYNH XUAN TRUONG	BK14	93	1	9	3	42	76	D-HANH	Vietnamese
2	LE HAI AN	BK14	92	1	5			73	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HUY	BK14						92	PSV	Vietnamese
4	TRAN NAM TRUNG	AMD	74	1	4	2	21	74	HLJOC	Vietnamese
5	TRINH BICH NGOC	AMD	77-78	2	12	3	53	66	TLJOC	Vietnamese
6	PHAM ANH NGU	AMD	70	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THUY	AMD	71-72	2	14			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO BA THANH	AMD	99	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	YA LOC	AMD	97-98	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU HUU CHINH	AMD	76	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	AMD	01	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG THE HIEN	AMD	96	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN TAN TRI	AMD	81	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH KHANH	AMD	79-80	2	20			59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	88-89	2	19			68	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VIET THANG	AMD	83	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO DUC HUY	AMD	75	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MINH HOANG	AMD	85-86	2	19	1	5	83	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM XUAN QUY	AMD	82	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
20	LE QUANG VIET	AMD	800	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN NGOC THU	AMD	84	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	3	241	2	14	3	42	1		
2	AMD	18	1.244	24	167	6	79	21		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.485</b>	<b>26</b>	<b>181</b>	<b>9</b>	<b>121</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.485</b>		<b>181</b>		<b>121</b>			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO:AMD - P7 - P9	CREW: NAM - DƯƠNG - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4452	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	68	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG ĐỨC HUNG	AMD	64	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ PHAN NGỌC CHÂU*	AMD	66	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	65	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH DANH	AMD	71-72	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TÀI	AMD	67	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	69-70	2	7			56	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	73	1	3			65	PSV	Vietnamese
9	BÙI THẾ DIỄN	P7	06	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOÀI THANH*	P7	08-09	2	10			62	YTE	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC SƠN	P7	07	1	4	2	35	75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7						71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐỨC	P7	01	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TIẾN HIỆP	P7	04	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7						78	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	03	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU NGUYỄN QUỐC HUY	P7	05	1	6			100	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7						66	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUYỀN	P7	02	1	4			58	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TUYẾT	P9	17	1	18	2	37	77	DVL	Vietnamese
21	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P9	15-16	2	14	1	20	60	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	8	550	10	56	0	0	8		
2	P7	11	806	9	51	2	35	12		
3	P9	2	137	3	32	3	57	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.493</b>	<b>22</b>	<b>139</b>	<b>5</b>	<b>92</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.493</b>		<b>139</b>		<b>92</b>			

**GRAND TOAL: 1.724 KGS**

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM   
BÙI HOÀNG DƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: TIM-3	TO: P5 - P4 - BK16	CREW: LINH - TTRUNG - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4449	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	P5	75	1	7	1	20	55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	10	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	P5	09	1	4			64	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ HẠNH*	P5	17-18	2	16			72	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN LINH	P5	78-79	2	19			70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGỌC TÂN	P5	70-71	2	16			64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ HOANG NAM	P5	68	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HOANG SANG	P5	14	1	12			91	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔNG XUÂN SINH	P5	16	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P5	11	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI TIẾN THANH	P5	13	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	72	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	12	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	76	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC LAI	P5	73-74	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VIỆT LONG*	P5	77	1	10			115	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN ANH PHƯƠNG*	P5	66	1	5			67	PSV	Vietnamese
18	BUI VĂN QUÂN (1972)	P5	67	1	3			65	PSV	Vietnamese
19	ĐINH VĂN LƯU	P5	69	1	6			53	PSV	Vietnamese
20	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	37	1	7			52	KH-THAC	Vietnamese
21	LÂM VĂN PHÚC	P4	38	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ NGỌC THĂNG	P4	36	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	19	1.392	23	162	1	20	14		
2	P4	3	199	3	17	0	0	3		
3	BK16	0	0	0	0	1	3	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.591</b>	<b>26</b>	<b>179</b>	<b>2</b>	<b>23</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.591</b>		<b>179</b>		<b>23</b>			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO: RC5 - P3	CREW: ĐỨC - KHÁI - TDUNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4456	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU HOANG TAN	RC5	84	1	11			93	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NAM THANG	RC5	88	1	16	2	33	102	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG TUAN ANH	RC5	85-86	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN THANH	RC5	87	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH THAO	RC5	82	1	14	1	20	65	DVL	Vietnamese
6	DOAN MINH DAT	RC5	83	1	18			78	DVL	Vietnamese
7	DINH SONG HAI	P3	31-32	2	14			60	YTE	Vietnamese
8	CHAU DINH TU	P3	27	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM TUAN KHAI	P3	41	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUONG	P3	30	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC VINH	P3	37	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NAM HAI	P3	33	1	5			92	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TAM THUY	P3	26	1	4	3	55	73	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO HUU PHUOC	P3	39-40	2	15			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LUONG	P3	35-36	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
16	DO HOAI NAM	P3	28-29	2	15			68	PSV	Vietnamese
17	PHAM MINH TUAN	P3	34	1	13			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THU TRANG	P3	38	1	11			77	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG TOAN	P3	25	1	5			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	6	504	7	80	3	53	7		
2	P3	13	919	17	114	3	55	15		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.423</b>	<b>24</b>	<b>194</b>	<b>6</b>	<b>108</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.423</b>		<b>194</b>		<b>108</b>			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

ĐẶNG QUANG KHÁI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: P4 - BK3	CREW: DUONG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4453	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN THUONG	P4	15	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN HUYEN	P4	24	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG KHAC DU	P4	30	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN CU	P4						58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HAI	P4	22-23	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG THE ANH	P4	21	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM XUAN HAI	P4	16	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUNG BAY	P4	19	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HAI	P4	25-26	2	8			58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NAM	P4	17	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM LE DUONG	P4						83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU THANH	P4						66	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HOANG PHUNG	P4	27	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
14	HA XUAN QUY	P4	20	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOANG	P4	28	1	4			91	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN SON TIEN	P4	31-32	2	11			70	KHI	Vietnamese
17	HOANG TRONG TAN	P4	33	1	7			68	KHI	Vietnamese
18	TATARINOV S.M.	P4	18	1	8			82	ANTOAN	Russian
19	NGO MINH PHUONG	P4	11-12	2	14			86	ANTOAN	Vietnamese
20	PHAM HONG QUAN	P4	13-14	2	14			76	ANTOAN	Vietnamese
21	MAI VAN TOAN	P4	29	1	8			55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN PHUC SANG	BK3	59-60	2	19	3	50	61	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	21	1.497	23	139	0	0	20		
2	BK3	1	61	2	19	3	50	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.558</b>	<b>25</b>	<b>158</b>	<b>3</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.558</b>		<b>158</b>		<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: PVD8 - P2 - CTK3	CREW: LINH - TTRUNG - THỤ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4450	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN XUÂN HÙNG	PVD8	44	1	12			72	NT-DATAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN THỊNH	PVD8	37	1	6			64	NT-DATAC	Vietnamese
3	RICKI SYAFRAN	PVD8	41,45	2	19			73	NT-DATAC	Indonesian
4	DOBY JUNIZED BIN EDWARD	PVD8	42-43	2	19			68	NT-DATAC	Indonesian
5	NGUYỄN ĐẠI KHOA	PVD8	32	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	PVD8	39-40	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC ĐẠI	PVD8	33-34	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC SƠN	PVD8	30-31	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH LUÂN	PVD8	38	1	11			56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	PVD8	35-36	2	15			55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ PHẠM THANH HUY	P2	42-43	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG SƠN	P2	36	1	12			72	CODIEN	Vietnamese
13	HA QUANG HUY	P2	37	1	9			66	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	P2	38-39	2	12			58	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỮU ĐỨC	P2	40	1	8			86	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN DOANH	P2	41	1	4			68	PSV	Vietnamese
17	HƯA HÙNG SƠN	CTK3	94-95	2	20			74	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ANH	CTK3	92	1	13			66	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	93	1	4	1	3	60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	10	674	16	137	0	0	1		
2	P2	6	432	8	62	0	0	4		
3	CTK3	3	200	4	37	1	3	9		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.306</b>	<b>28</b>	<b>236</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.306</b>		<b>236</b>		<b>3</b>			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH   
NGUYỄN THÀNH TRUNG

Có 4 pax mang sac pin dự phòng (pax stt: 6, 10, 11, 14)